TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số**: 02 /**2024/HNGĐ - ST
Ngày: 24 - 01 -2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Đồng Tịnh
2. Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Lã Phú Huy – Thư ký Tòa án của TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2023/TLST-HNGĐST ngày 19 tháng 10 năm 2023 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 09/01/2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Dư Quế T**; sinh năm 1964; trú tại: 244B đường P, tổ 28 phường A, quận S, Đà Nẵng. Có mặt

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Diệu H**; sinh năm: 1979; trú tại: 244B đường P, tổ 28 phường A, quận S, Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2023, bản tự khai ngày 20/10/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Dư Quế T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T kết hôn với bà Nguyễn Thị Diệu H năm 2022, hôn nhân tự nguyện và có thời gian tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 23/3/2022. Sau khi kết hôn ông bà về sống tại tổ 28 phường A, quận S, Đà Nẵng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp, chênh lệch tuổi tác dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Bà H bỏ đi không nói gì, từ năm 2023 ông T, bà H sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay ông T xác định không còn yêu thương bà H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông T xác định không có

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Diệu H không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, không tham gia hoà giải và cũng không tham gia phiên toà xét xử vụ án trên.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dư Quế T về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị Diệu H.

Về con chung: Ông T xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có, bà H không có ý kiến. Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp "Ly hôn" giữa ông T, bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Tòa án nhân dân quận S đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu H nhưng tại phiên tòa hôm nay bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Diệu H.

Về nội dung vụ án:

[3] Ông Dư Quế T và bà Nguyễn Thị Diệu H kết hôn năm 2022, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường phường A, quận S, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 23/3/2022. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân theo ông T do cả hai không hợp về tính cách, bất đồng về cách sống và cách suy nghĩ, chênh lệch tuổi tác nên thường xảy ra cãi vã, bà H bỏ đi từ đầu năm 2023 mà không nói gì. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà sơ thẩm hôm nay ông T xác định không còn yêu thương bà H nữa nên xin được ly hôn. Còn bị đơn bà H mặc dù Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông T thì thấy: Giữa ông T, bà H từ khi kết hôn năm 2022 đến nay hai bên chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát

sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra ông bà đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2023 đến nay. Đối với bà H có ý thức để mặc, không tham gia các phiên hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa, điều này thể hiện bà H vừa coi thường pháp luật, vừa thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân bà H không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với ông T. Mặt khác, mâu thuẫn gia đình theo ông T trình bày cũng phù hợp với cung cấp của địa phương nơi ông bà sinh sống. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng ông T, bà H đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho ông T được ly hôn bà H là hoàn toàn phù hợp với điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Ông T và bà H không có con chung

[7] Về tài sản chung: Ông T xác định không có. Bà H không có ý kiến trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về nợ chung: Ông T xác định không có. Bà H không có ý kiến nên HĐXX không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[9] Chi phí đăng tin: Ông Dư Quế T tự nguyện chịu (đã chi và thanh toán xong)

[10] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Dư Quế T với bà Nguyễn Thị Diệu H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Dư Quế T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Diệu H *(Do chấp nhận yêu cầu ly hôn* của *ông Dư Quế T đối với bà Nguyễn Thị Diệu H nên giấy chứng nhận kết hôn hôn số 24 do UBND phường A, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 23/3/2022 không còn giá trị pháp lý)*

2. Về con chung: ông T và bà H không có con chung nên HĐXX không đề cập giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng ông Dư Quế T phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0002110 ngày 19 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, TP. Đà Nẵng.

5. Chi phí đăng tin: Ông Dư Quế T tự nguyện chịu (đã chi và thanh toán xong).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường A, quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh